

Bản án số: 55/2025/HS-ST

Ngày: 30/6/2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chi Dựng

2. Bà Trần Thị Nhi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**  
Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2025/HSST ngày 23/5/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXHS – HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/ngày 27/6/2025 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn S**, sinh năm 1984, nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Khu dân cư B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T. Bị cáo có vợ Phan Thị T1 và có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

**2. Phạm Xuân K**, sinh năm 1982, nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ E, khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Phạm Văn T2 (đã chết) và bà Vũ Thị T3. Bị cáo có vợ Đặng Thị Bích N và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

**3. Lê Xuân H**, sinh năm 1968 nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Khu dân cư T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa:

06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Lê Hữu T4 (đã chết) và bà Đào Thị T5. Bị cáo có vợ Vũ Thị T6 và có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo có hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

**4. Vũ Văn C**, sinh năm 1965, nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Khu dân cư T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Vũ Văn C1 (đã chết) và bà Trần Thị Q (đã chết). Bị cáo có vợ Trần Thị C2 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Trọng N1**, sinh năm 1985, nơi ĐKHKTT, chỗ ở: A, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Trọng N2 và bà Nguyễn Thị Đ. Bị cáo vợ Vũ Ngọc B và có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

**6. Phạm Huy T7**, sinh năm 1974, nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Khu F, phường, P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Phạm Văn T8 và bà Lương Thị N3. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị A và 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/1/2011, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc đối với T7. Ngày 26/01/2011, T7 đã nộp phạt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

**7. Nguyễn Văn T9**, sinh năm 1971, nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Khu dân cư B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Gia N4 (đã chết) và bà Trần Thị P. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần T11, địa chỉ: Khu dân cư T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T11*: Ông GUO YIMIN – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Đại diện theo ủy quyền của ông GUO YIMIN*: Ông HUO SHENG JIU – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền của ông HUO SHENG JIU: Ông Lê Văn M, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu dân cư T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt*  
*- Người có nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1984, trú tại: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng ngày 07/03/2024, tại nhà Lê Xuân H (là nhân viên bảo vệ của Công ty CP T11); Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K (đều là công nhân lái máy xúc thuộc tổ cơ giới của Công ty) và Nguyễn Trọng N1 (công nhân tổ phối liệu của Công ty) cùng nhau thống nhất sẽ trộm cắp than tại Kho để than của Công ty CP T11 để bán lấy tiền chi tiêu. Ngày 10/03/2024, S gặp Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, trú tại: Khu dân cư B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương và nói có ít than “vét” muốn bán, D nghĩ là than do S vét được ở các tàu thuyền muốn bán nhưng không đồng ý mua. Đến chiều ngày 12/3/2024, S gặp K thống nhất trộm cắp than vào thời điểm nghỉ giao lao giữa hai ca vào rạng sáng ngày 13/03/2024. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12/03/2024, S đi đến Công ty CP T11 để làm, còn K đi theo lối giáp sông P vào Công ty để đợi giờ công nhân nghỉ giải lao để lấy than. Trong lúc làm việc, S gặp Phạm Huy T7 (là công nhân tổ phối liệu của Công ty) nhờ T7 cảnh giới cho S trộm cắp than, T7 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút sáng ngày 13/3/2024, S lên chòi bảo vệ gặp Lê Xuân H bảo H cảnh giới để S trộm cắp than, H đồng ý và H gọi điện cho Vũ Văn C (là bảo vệ của Công ty) đang trực ở khu vực Cổng phụ của Công ty, bảo C không đến khu vực kho than và cảnh giới cho S lấy than, C đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 59 phút cùng ngày, S điều khiển máy xúc lật hiệu “SEM 655D” (xe của Công ty) đến chỗ K đang đợi gần vị trí camera giám sát trong kho than. S nâng gầu máy xúc lên cho K đứng trên gầu máy lấy khăn che camera giám sát kho than. Sau đó, K đi ra khu vực góc cây gần cầu cảng để tránh bị phát hiện và cảnh giới người qua lại. Đến giờ công nhân nghỉ ngơi, N1 biết là đến giờ trộm cắp than nên bảo Nguyễn Văn T9 (Công nhân cùng tổ phối liệu) đi cảnh giới để S trộm cắp than, T9 đồng ý. Nhiệm đi ra phía trước cửa nhà lò luyện số 1 sát đường nội bộ, còn T9 đi ra ngồi rìa cửa lán kho than để cảnh giới. T7 đi ra cảnh giới phía trước cửa nhà lò luyện số 2 sát khu đường nội bộ. Đến khoảng 01 giờ 10 phút cùng ngày, K thấy chiếc thuyền, loại thuyền máy, vỏ bằng kim loại, dài khoảng 5,5m, có khoang chứa hàng dài khoảng 3m, có khung dựng lều bạt trên thuyền không rõ biển số và người lái thuyền đã đỗ ở cầu cảng nên vẫy tay ra hiệu cho S. S điều khiển máy xúc vào lán kho than xúc than, rồi đi ra cầu cảng đổ than xuống khoang thuyền. S xúc 5 lượt được 6 tấn than thì dừng lại. Sau khi lấy than xong, S nâng gầu máy xúc lên cho K đứng tháo khăn che camera. Sau

đó mọi người đi về vị trí làm việc bình thường. S xúc than phía ngoài trời đổ vào trong kho than để bù vào số than đã lấy. Sau đó S gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D nói than đang được chuyển đến bãi than của D tại khu dân cư B, phường M, D đồng ý lấy nhưng chưa thoả thuận tiền cụ thể. Sau đó D thuê Phạm Văn T10 lái máy xúc xúc than từ thuyền lên đổ chung với số than ở bãi than của D có tổng khối lượng là 20 tấn. Ngày 18/3/2024, Công ty Cổ phần T11 có đơn trình báo

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 593 ngày 23 tháng 05 năm 2024 và Công văn số 01 ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- Ủy ban nhân dân thị xã K đã xác định 06 tấn than Anthracite (tro và lưu huỳnh thấp), loại ASSH-UHG, 0-13mm, loại cực cao (“UHG”) có giá trị là 39.529.050 đồng (06 tấn x 6.588.175 đồng/tấn).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện cùng nhau bồi thường khắc phục hậu quả cho Công ty T11 số tiền 36.000.000 đồng, Công ty cổ phần T11 không yêu cầu về dân sự.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 20 tấn than (theo kết luận giám định là than cám 7a), có chứa 06 tấn than Anthracite (tro và lưu huỳnh thấp), loại ASSH-UHG, 0-13mm, loại cực cao (“UHG”); 01 ổ cứng SKYHAWK AI 10TB có số SN: WWY08LJX. Quá trình điều tra xác định 06 tấn than A1 và ổ cứng là tài sản hợp pháp của Công ty CP T11 là tài sản hợp pháp của Công ty CP T11, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Công ty CP T11. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn quản lý 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F đã qua sử dụng (do Nguyễn Văn S giao nộp); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S22 ULTRA, màu tím, đã qua sử dụng (do của Nguyễn Văn D giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y33s, bên trong lắp 01 sim số đã qua sử dụng (do Vũ Văn C giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s, màu tím than đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số (do Lê Xuân H giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V2026, màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số (do Phạm Xuân K giao nộp).

*Tại Bản cáo trạng số 07/CT - VKS ngày 14/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.*

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng VKSND thị xã Kinh Môn đã truy tố.

- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Đề nghị tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Đề nghị áp dụng:* khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 65; Điều 17, Điều 58 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn Thi. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9; khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Đề nghị xử phạt:*

+ Bị cáo Nguyễn Văn S từ 23 đến 26 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 46 đến 52 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo Phạm Xuân K từ 21 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 42 đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Các bị cáo Lê Xuân H, Vũ Văn C từ 20 đến 23 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 40 đến 46 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Các bị cáo Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 mỗi bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Văn T9 cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Xuân K cho Ủy ban nhân dân phường M, T.P Đ, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng N1 cho Ủy ban nhân dân phường A, T.P Đ, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Huy T7 cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra VKS còn đề nghị về xử lý vật chứng, tiền án phí đối với các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ 59 phút ngày 13/03/2024, tại Công ty CP T11, địa chỉ KDC T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn S cùng Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Nguyễn Văn T9, và Phạm Huy T7 có hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt của Công ty cổ phần T11 06 tấn than Anthracite. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 39.529.050 đồng .

Hành vi che camera và lợi dụng đêm tối trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty CP T11, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội:* Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều làm trong Công ty CP T11 nhưng như do muốn có tiền tiêu sài chung lên các bị cáo đi con đường phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo S là người giữ vai trò chính, bị cáo là người *khởi xướng*, đồng thời là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trực tiếp tìm và bán tài sản đã chiếm đoạt. Bị cáo K là người tham gia với vai trò tích cực, bị cáo trực tiếp che camera để tránh bị phát hiện, thực hiện việc cảnh giới cho bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Phạm Huy T7, Nguyễn Trọng N1 cùng được bàn bạc thống nhất và cảnh giới cho K thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H, C là bảo vệ của

công ty, có nhiệm vụ trông coi, kiểm soát người ra vào cơ quan, song khi được S đề xuất lấy tài sản để có tiền chi tiêu chung trong việc ăn uống, bị cáo H đồng ý và rủ bị cáo C tham gia cảnh giới cho các đối tượng chiếm đoạt tài sản. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T9, khi được N1 cho biết S lấy tài sản của công ty, bị cáo T9 đồng ý và cùng thực hiện với vai trò cảnh giới. Do vậy, khi quyết định hình cần xem xét đến điều kiện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

*[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là Công ty cổ phần T11. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T11 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phạm Xuân K có bố đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 đều tham gia với vai trò thứ yếu, tính chất ít nghiêm trọng. Riêng đối bị cáo T7, năm 2011 bị xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền từ nhiều năm nay và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét thấy các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được khắc phục, bồi thường cho bị hại, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo và áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

*[5] Hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ vào tính chất hành vi của các bị cáo cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S, bị cáo K.

*[6] Về trách nhiệm dân sự:* Tài sản các bị cáo chiếm đoạt, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là Công ty cổ phần T11. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T11 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

*[6] Xử lý vật chứng:*

+ Đối với số than Công an thu giữ, trong đó có chứa 06 tấn than Anthracite (tro và lưu huỳnh thấp), loại ASSH-UHG, 0-13mm, loại cực cao (“UHG”) và 01 ổ cứng SKYHAWK AI 10TB có số SN: WWY08LJX. Quá trình điều tra xác định 06 tấn than A1 và ổ cứng là tài sản hợp pháp của Công ty CP T11 là tài sản hợp pháp của Công ty CP T11. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Công ty CP T11 quản lý nên không phải xem xét giải quyết.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F đã qua sử dụng (do Nguyễn Văn S giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y33s, bên trong lắp 01 sim số đã qua sử dụng (do Vũ Văn C giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s, màu tím than đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số (do Lê Xuân H giao nộp); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V2026, màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số (do Phạm Xuân K giao nộp). Quá trình điều tra xác định đây công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Đối 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S22 ULTRA, màu tím, đã qua sử dụng (do của Nguyễn Văn D giao nộp) sử dụng để mua than của S. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn D nhưng không được điều tra làm rõ. Do vậy, cần trả lại cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1984, trú tại: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương quản lý, sử dụng.

Đối với 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y33s do Vũ Văn C giao nộp số thuê bao 0986430865; 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s do Lê Xuân H giao nộp số thuê bao 0986453502; 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V2026 do Phạm Xuân K số thuê bao 0989696183 xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy. Theo quy định tại Điều 53, khoản 5 Điều 9 Luật Viễn thông năm 2023 kiến nghị Tổng Công ty D1 (V) thu hồi mã số sim đối với số điện thoại 0986430865; 0986453502, 0989696183 và tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền hiện có (nếu có) trong tài khoản số thuê bao di động nếu có.

*[7] Về án phí:*

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự

sơ thẩm. Bị cáo C trên 60 tuổi, căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong vụ án này Nguyễn Văn D là người mua than do bị cáo S phạm tội mà có. D là chủ doanh nghiệp Công ty TNHH T12 kinh doanh vận tải, về quy trình mua bán than, cũng như việc mua bán than rẻ, hành vi mua và vận chuyển than diễn ra trong đêm tối có dấu hiệu phạm tội. Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 06/2025/HSST-QĐ ngày 29/4/2025 nhưng không được điều tra làm rõ. Do vậy, cần tiếp tục điều tra làm D và các đối tượng liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ:* khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 65; Điều 17, Điều 58 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9.

- *Căn cứ:* khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K.

- *Căn cứ:* Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

- *Căn cứ:* điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Căn cứ:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Vũ Văn C; áp dụng thêm điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo.

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

#### **2. Hình phạt chính:**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **24** (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân K 21 (hai mươi một) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân H **20** (hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn C **20** (hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **40** (bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N1 **18** (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Huy T7 **18** (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T9 **18** (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Xuân H, Vũ Văn C, Nguyễn Văn T9 cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Xuân K cho Ủy ban nhân dân phường M, T.P Đ, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng N1 cho Ủy ban nhân dân phường A, T.P Đ, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Huy T7 cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

### **3. Hình phạt bổ sung:**

+ Phạt bị cáo Nguyễn Văn S 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

+ Phạt bị cáo Phạm Xuân K 5.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

### **4. Xử lý vật chứng:**

+ Tịch thu cho phát mại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y33s thu giữ của bị cáo Vũ Văn C; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s, màu tím than thu

giữ của bị cáo Lê Xuân H; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V2026, màu đen thu giữ của bị cáo Phạm Xuân K giao nộp để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y33s do Vũ Văn C giao nộp số thuê bao 0986430865; 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s do Lê Xuân H giao nộp số thuê bao 0986453502; 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V2026 do Phạm Xuân K số thuê bao 0989696183 xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy. Theo quy định tại Điều 53, khoản 5 Điều 9 Luật Viễn thông năm 2023 kiến nghị Tổng Công ty D1 (V) thu hồi mã số Sim đối với số điện thoại 0986430865; 0986453502, 0989696183 và tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền hiện có (nếu có) trong tài khoản số thuê bao di động nếu có.

+ Trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S22 ULTRA, màu tím cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1984, trú tại: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương quản lý, sử dụng.

*(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/02/2025 giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).*

5 **Án phí:** Các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Xuân K, Lê Xuân H, Nguyễn Trọng N1, Phạm Huy T7, Nguyễn Văn T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo Vũ Văn C trên 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm

6. **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan thi hành án HS – CA tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HD;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Phòng HS nghiệp vụ - CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Khánh**

